

I

CẦN MỘT QUI ƯỚC VIẾT CHỮ VIỆT

Một trong những vấn đề được nêu ra hiện nay là người Việt viết chính tả không theo một qui tắc nào, một tiêu chuẩn nào. Ai muốn viết sao cũng được, cứ theo cách mình phát âm mà viết chữ đó, người khác cũng hiểu. Thậm chí, có những nhà nghiên cứu tiếng Việt lại còn nói là có thể nhập các chữ có dấu hỏi ngã lại làm một dấu mà thôi. Có người còn thêm các phụ âm f, j, z, w vào chữ Việt.

Chữ Việt khởi đầu là cách ghi âm tiếng nói của người Việt. Các giáo sĩ Âu châu khi sang nước Việt vào thế kỷ thứ 17 đã muốn ghi âm lại tiếng Việt để dịch và viết kinh sách cho người Việt đọc. Các giáo sĩ đã nghe người Việt phát âm để ghi lại tiếng nói của người Việt bằng mẫu tự latin. Thành thử tại sao chúng ta thường hay nghe nói là tiếng Việt rất dễ học, **nói sao viết vậy**. Điều này cũng có phần đúng vì chúng ta đọc chữ *a*, chữ *ba*, chữ *ta*, v.v... như thế nào thì chúng ta viết thế ấy. Chữ *a* không bao giờ đọc là *ê* hay *ây* như trong tiếng Anh.

Nhưng ngày nay chúng ta lại có vấn đề ngược lại. Những người nào viết hoàn toàn theo cách phát âm của mình thì thế nào cũng có những chữ bị xem là viết sai chính tả tiếng Việt. Ví dụ chữ *rực rỡ*, tôi quen đọc là *dực dờ*. Nếu tôi viết chữ *d* thay vì *r* cho chữ *rực rỡ*, tôi bị xem là viết sai chính tả.

Mặc dù từ lúc khởi đầu, *chữ Việt*, hay *quốc-ngữ*, hay còn gọi là *chữ Việt latin* để phân biệt với *chữ Nôm* là chữ Việt viết theo hình dạng chữ Hán, tại sao việc viết chữ Việt chỉ là một cách ghi âm tiếng nói của người Việt mà ngày nay tại sao không viết như là chúng ta nói? Tại sao chúng ta đặt ra vấn đề chính tả tiếng Việt?

Theo thiển ý của chúng tôi thì lý do có thể như sau đây:

Thế kỷ thứ 17, khi các giáo sĩ Âu Tây đến nước Việt, họ đến giảng đạo tại các vùng phía bắc và trung nước Việt. Họ chỉ nghe tiếng Việt của những người dân địa phương tại những nơi đó và ghi xuống bằng mẫu tự latin. Một trong những ví dụ mà tôi thấy còn sót lại là chữ *tl*.

Các giáo sĩ lúc ấy ghi là *tlâu tlắng*, thì có thể lúc ấy người Việt gọi con *trâu trắng* là *tlâu tlắng*.

Hiện nay chúng ta không dùng phụ âm *tl* nữa, nhưng chúng ta biết là ở nhà quê miền Bắc vẫn còn những người gọi con *trâu* là con *tâu*. Như vậy, chữ nguyên thủy có thể là con *tlâu*, người nhà quê miền Bắc đọc là *tâu*, rồi sau này chữ *tlâu* “di cư” vào thành phố hay là vào miền Nam mà đổi ra là *trâu*. Vì không đủ tài liệu chứng minh nên chuyện này chỉ là một sự ước đoán vậy thôi chứ không dám chắc.

Ngày nay người Việt sinh sống ở khắp ba miền nước Việt và khắp nơi trên thế giới. Cách phát âm dần dần thay đổi đi nhiều. Mỗi miền có một giọng. Ở Bắc có giọng bắc, ở Trung có giọng trung, ở Nam có giọng nam. Ngay cả những thế hệ sinh sống ở ngoại quốc bây giờ cũng có

một giọng riêng của họ. Có khi hơi nam, hơi bắc, hơi trung, có khi nửa nam nửa bắc, nửa bắc nửa trung, ... tùy theo giọng nói của những người trong gia đình.

Nếu mỗi người phát âm khác nhau và viết theo cách phát âm của mình thì khi đặt bút xuống viết cho người khác đọc, có thể không hiểu rõ nhau hoặc hiểu nhầm.

Bây giờ chúng tôi xin lấy ví dụ của chữ Hán. Ngày xưa, người Trung-Hoa, người Triều-Tiên, người Nhật-Bản, người Việt-Nam, khi gặp nhau mà bút đàm là hiểu được nhau ngay. Còn nói thì mỗi người xứ nào thì nói tiếng của xứ đó. Trong sử sách có chép là khi các sứ thần Triều-Tiên và Việt-Nam gặp nhau tại triều đình Trung-Hoa, họ bút đàm với nhau, làm thơ họa lại. Rất nhiều lần triều đình Trung-Hoa tán thưởng tài làm thơ của các sứ thần người Việt.

Một ví dụ hiển nhiên và gần với chúng ta là việc nhà chí sĩ Phan Bội Châu. Đầu thế kỷ thứ 20, Phan Bội Châu sang Trung-Hoa và Nhật, liên lạc với các đảng viên cách mạng lúc ấy ở Trung-Hoa và Nhật. Ở Hương-Cảng, Phan Bội Châu bút đàm với chủ nhiệm của *Trung-Quốc Nhật-báo*. Sang Nhật, gặp Lương Khải Siêu, Phan Bội Châu cũng dùng bút thoại, tức là dùng bút viết mà đàm thoại. Khi đến yết kiến Khuyển Dưỡng Nghị là một nhân vật chính trị có thế lực tại Nhật, Phan Bội Châu cũng bút đàm cùng Khuyển Dưỡng Nghị (Inukai Tsuyoshi). Trong khi bút thoại, Lương Khải Siêu lấy bút giấy viết năm chữ “*Thủ nhân đại khả kính*” (người này thực đáng kính) đưa cho Khuyển Dưỡng Nghị để khen Phan Bội Châu. Do đó người Nhật kính nể Phan Bội Châu và bằng lòng giúp đỡ các học sinh Việt-Nam sang Nhật học để mở mang kiến thức và tổ chức binh bị chống lại người Pháp. Từ đó có phong trào Đông-du.

Như vậy, chúng ta thấy là **khí cách phát âm không thuần nhất thì việc đặt qui ước cho cách viết là một điều cần thiết**. Dù phát âm có khác nhau, nhưng cách viết giống nhau, mỗi một chữ viết đúng chính tả có một nghĩa và chỉ một nghĩa đúng tương ứng với chữ đó, thì khi viết người Việt sẽ hiểu nhau rất dễ dàng.

Do đó, chúng ta không cần phát âm giống nhau – mà điều này rất khó thực hiện –, **chỉ cần viết đúng chính tả thì chúng ta sẽ có được một mẫu số chung là chữ viết theo âm tiếng Việt để hiểu nhau**.

Trong giai đoạn đầu của thế kỷ thứ 20, đã có nhiều nhà nghiên cứu chú ý tìm hiểu cách viết chữ Việt. Những nhà biên khảo có tiếng trong giai đoạn này là Léopold Cadière và Henri Maspéro.

Léopold Cadière là một nhà truyền giáo Pháp của Hội Missions Etrangères de Paris. Ông viết 250 bài khảo cứu về văn hóa, phong tục, ngôn ngữ và lịch sử Việt-Nam. Léopold Cadière đã viết bài “Phonétique Annamite” xuất bản tại Paris năm 1902.

Henri Maspéro là một nhà khảo cứu học về ngôn ngữ Trung-Hoa. Năm 1907, ông học luật tại Institut national des Langues et Civilisations orientales, tức là Học-viện quốc-gia về Ngôn-ngữ và Văn-minh phương Đông, tại Paris. Năm 1908, ông đến Hà-Nội, học tại Ecole française de l’Extrême-Orient, tức là Trường Viễn-đông Bác-cổ Pháp. Năm 1912, Henri Maspéro viết bài nghiên cứu về lịch sử ngôn ngữ tiếng Việt tựa là “Etudes sur la phonétique historique de la langue annamite”.

Để giúp cho việc viết chữ Việt được đúng và chính xác, từ năm 1895 – 1896 nhà văn Huỳnh-Tĩnh Paulus Cửa đã cho ra mắt quyển *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* tại Sài-Gòn. Nhà biên khảo Génibrel soạn quyển *Dictionnaire Annamite-Français* năm 1898. Học giả Đào Duy Anh soạn xong quyển *Giản-yếu Hán-Việt Từ-điển* năm 1932. Hội Khai-trí Tiến-đức thực hiện bộ *Việt-Nam Tự-Điển* từ năm 1931 đến năm 1938 mới xong.

Trong khoảng hai thập niên 1930, 1940, nhiều người Việt trong giới trí thức cũng để ý đến vấn đề chính tả.

Giáo-sư Dương Quảng Hàm, một bậc thầy của nhiều thế hệ, đã từng nhận xét thấy là người Việt nói tiếng Việt mà không để ý đến việc học tiếng Việt. Theo ông, muốn thông thạo một ngôn ngữ, người ta cần phải học mới biết dùng cho hay và chính xác, nhất là đối với thứ chữ có địa vị quan trọng trong đời sống chúng ta như tiếng Việt.

Nhà báo Phan Khôi khuyến khích mọi người viết chữ Việt cho đúng, theo ý kiến của ông, thì viết cho “đúng với tự-vị Trương Vĩnh Ký và Paulus Cửa”. Trương Vĩnh Ký và Paulus Cửa được kể là những người đầu tiên làm ra tự-vị tiếng Việt. Trên báo *Phụ-nữ Tân-văn* thời đó, Phan Khôi phụ trách mục “Ngự-sử trên văn-đàn” để sửa những sai lầm trong cách viết chữ Việt.

Trên báo *Tao-Đàn* (1939), nhà văn Từ Ngọc nhấn mạnh rằng nhà văn là người hơn ai hết phải tự biết bổn phận của mình để viết chữ Việt cho đúng. Theo ông, “một nhà văn viết sai quốc-ngữ khác nào một người thợ còn vụng-về, thì còn chỉ-bảo cho ai được?”

Ông viết tiếp: “Vả lại viết sai quốc-ngữ là tỏ rằng mình không thận-trọng với văn: giá-trị của tác-phẩm mình cũng vì thế mà giảm đi nhiều.”

Từ Ngọc viết thêm: “...bổn phận nhà văn là càng phải tự mình kiểm-chế để mất tính cầu-thả và để viết quốc-ngữ cho thực đúng.”

Phan Văn Hùm, một nhà hoạt động chính trị nổi tiếng ở miền Nam, đặc biệt chú ý đến việc đánh dấu hỏi ngã trong tiếng Việt, vì ông là một người sinh quán ở Lái-Thiêu, Nam Việt-Nam. Hơn ai hết, ông biết khuyết điểm của người miền Nam trong việc viết chữ Việt. Phan Văn Hùm viết bài trong tuần báo *Phụ-nữ Tân-văn* tựa là “Dấu hỏi, dấu ngã” tháng Bảy năm 1934. Mười năm sau ông viết một bài khác có tựa là “Để cho người Việt phương Nam phân biệt hỏi ngã” đăng trong báo *Thanh-Niên* tháng Tám năm 1944.

Ngoài ra, có tác giả Nguyễn Đình viết bài “Luật ngã hỏi” đăng trên báo *Tao-Đàn* tháng Sáu năm 1939; tác giả Lê Ngọc Trụ viết bài “Luật tứ thanh và luật hỏi ngã” đăng trong *Tập Kỳ-yếu Hội Khuyến-học* tháng Giêng năm 1943.

Học giả Lê Ngọc Trụ sinh quán ở Cây Gõ, châu thành Chợ-Lớn. Ông tự học về ngôn ngữ Việt, và trong thời gian từ năm 1954 đến năm 1975 ông từng làm việc tại Thư-viện Quốc-gia, Giám-đốc Viện Khảo-cổ, Giảng-viên Trường Đại-học Văn-khoa và Đại-học Sư-phạm Sài-Gòn.

Quan trọng hơn nữa, chính ông đã thấy rõ sự quan trọng của cách viết chữ Việt và ông rất tha thiết muốn cho người Việt viết chữ Việt cho đúng chính tả. Số lượng bài viết của ông về vấn đề chính tả rất nhiều, ở đây chúng tôi chỉ xin ghi lại một vài đề tựa như sau:

- “Tại sao tôi viết là đồng (giống) và giám (dám) hay là vấn đề viết chữ quốc ngữ”, 1939
- “Bàn góp về luật tứ thanh”, 1940
- “Tinh thần tiếng Việt hay nguyên tắc căn bản trong hệ thống Việt ngữ”, 1948

- “Để góp vào việc thống nhất chính tả: bán hay bán”, 1952

- “Phương pháp thống nhất chính tả”, 1953

... ..

Năm 1959, học giả Lê Ngọc Trụ cho xuất bản quyển *Việt ngữ Chánh tả tự vị* tại Sài-Gòn.

*

Từ lâu tiếng Pháp tiếng Anh được xem như là thứ tiếng dùng trong việc ngoại giao vì hai tiếng này rất phong phú và rõ ràng, mỗi chữ chỉ định một nghĩa, không thể nhầm với chữ khác được. Chúng ta cũng mong muốn cho tiếng Việt được chính xác và rõ ràng để việc sử dụng tiếng Việt được phổ thông, dễ hiểu và dễ học.

Muốn giúp cho tiếng Việt được chính xác và rõ ràng, chúng ta cần làm gì?

1. đặt ra qui ước cho cách viết chữ Việt;
2. thống nhất cách viết;
3. trau dồi kiến thức về tiếng Việt;
4. cố gắng viết đúng chính tả chữ Việt;
5. dùng tự-điển do những nhóm tác giả hay tác giả đáng tin cậy.

Ngô Thị Quý Linh

Tháng 10 năm 2014

*

II

CHÍNH TẢ CHỮ VIỆT

Ở Hoa-Kỳ đã lâu, nếu chúng ta để ý, mỗi khi cầm sách báo của người Hoa-Kỳ lên đọc thì thấy những lỗi chính tả gần như là không có. Những tác giả viết sách, ký giả viết báo có thể là người ở nhiều địa phương khác nhau, có thể cách phát âm của họ cũng hơi khác nhau đi nữa, ví dụ quý vị nghe một người gốc Texas lâu đời và một người ở Đông Bắc Hoa-Kỳ từ lâu thì quý vị có thể nhận ra sự khác biệt trong cách nói của họ, nhưng khi viết thì chính tả tiếng Anh thường chỉ có một cách viết đúng. Theo như chúng tôi được biết, trong các nhà xuất bản Hoa-Kỳ, có những người chuyên môn về Anh-văn đọc các bản thảo và sửa từng lỗi chính tả một.

Ở trong các trường học Hoa-Kỳ, chúng tôi biết các học sinh Hoa-Kỳ hằng năm hay thi môn Spelling Bee, tức là môn thi đánh vần từng chữ cho đúng. Môn thi này rất hào hứng, có từ cấp địa phương đến quốc gia. Học sinh dự thi Spelling Bee toàn quốc đến dự thi tại thủ đô Hoa-Kỳ trong khoảng cuối tháng Năm hằng năm. Học sinh nào đoạt giải nhất đem vinh dự về cho trường học và cá nhân mình, và rất hãnh diện với vinh dự đó.

Như vậy chúng ta có thể thấy là người Hoa-Kỳ rất chú trọng đến chính tả tiếng Anh, cố gắng viết chữ của họ cho thật đúng chính tả.

Nếu chúng ta mong cho tiếng Việt được trong sáng, thì điều đầu tiên cần làm là viết chính tả cho đúng. Ở Việt-Nam, các nhà văn nổi tiếng thường chú ý đến việc viết chính tả cho đúng. Nhà văn Nguyễn Hiến-Lê trong tuyển tập *Mười Câu Chuyện Văn Chương* (Văn Nghệ xuất bản, Hoa Kỳ 1986) có bài viết “Nửa Thế Kì Chánh Tả Việt Ngữ” trong đó ông nhắc đến vị thầy của ông là nhà văn và nhà giáo Bùi Kỳ. Nhà văn Hiến-Lê kể rằng trong những buổi học tiếng Việt, cụ Bùi Kỳ có dặn học trò:

- Báo chí bây giờ viết sai nhiều, các ông nên đọc tờ Thực Nghiệp, tờ ấy ít sai.

Nhà văn Hiến-Lê tâm sự rằng “tới nay tôi vẫn nhớ lời khuyên của Cụ, vì lần đó là lần đầu tiên một bậc thầy nhắc chúng tôi phải chú ý tới việc dùng tiếng Việt cho đúng và viết cho đúng chánh tả.” Ông bảo là tuy nhớ lời thầy dặn nhưng “hồi ấy tôi vẫn chưa cho bài học đó là quan trọng. Vì ba lẽ: thứ nhất, tôi đâu có ý viết văn Việt; thứ nhì, những tờ báo Cụ chê là viết sai lại có nhiều cây bút nổi danh, vậy thì viết trúng chưa phải là viết hay, mà viết hay thì chẳng cần phải viết trúng (tôi nghĩ như vậy); thứ ba, có một số tiếng mỗi nhà viết một khác, như *dây* lưng hay *giây* lưng, *canh suông* hay *canh xuông*, *xuýt* nữa hay *suýt* nữa, *dòng* nước hay *gìong* nước, vân vân, biết ai trúng, ai trật, tự điển đâu mà tra?”

Sau khi ra trường Công chánh, Nguyễn Hiến-Lê được bỏ vào Nam làm việc. Lúc này ông mới có thì giờ đọc sách báo Việt-ngữ và có ý định muốn viết văn. Ông phê bình chính tả trong báo chí lúc ấy như sau:

“Mới vô Saigon, đọc các nhật báo *Tin Điện*, *Thần Chung*, *Saigon*, tôi thấy chường mắt về những lỗi *át*, *ác*, *ác*, *an*, *ang*, *in*, *inh*, *hỏi ngã*, v.v... Nhà báo gì mà *sắt* thì

viết ra *sắc*, cuốn viết ra *cuống*, cây *cau* viết ra cây *cao*...; còn nhà giáo gì mà không phân biệt được hỏi và ngã ...!

Nhưng sách báo của Tự Lực văn đoàn, của nhà Tân Dân, in làm *s*, *x*, *ch*, *tr*, *d*, *gi*, *r* thì tôi lại không thấy chướng; và chính tôi viết thư cho bà con, bạn bè cứ làm hoài: *trái soài*, *cái suồng*, *dánh tay*, *giây điện*...; người thân có nhắc nhở thì mới đầu lại cho là vẽ chuyện. Trò đời như vậy.”

Nhà văn Hiến-Lê nhận thấy người trí thức trong Nam cũng chú trọng đến chính tả, có cuốn *Đồng âm tự vị*, trong khi đó ở ngoài Bắc không có. May sao, lúc ấy cuốn *Việt-Nam Tự-Điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức ra đời.

Ông nhận xét phải tập chú ý đến việc chính tả chữ Việt từ khi mới bắt đầu học và luyện cho quen thì đến 25-30 tuổi mới viết đúng được. Vì cần phải tạo thành nếp, quen mắt với chữ viết đúng chính tả.

Ông lấy ví dụ tên của một tác phẩm tiêu thuyết rất nổi tiếng thời đó: *Giông tố* của nhà văn Vũ Trọng Phụng. Ông viết như sau:

“Khi nhìn cả trăm lần chữ *Giông tố* in rất lớn trên bìa một cuốn truyện, cả ngàn lần chữ *xử dụng*, *sơ xuất* trên mặt các tờ báo; khi đã cả chục năm quen viết *sợi giây*, *giận giữ*, *vủ khí*, *đề khán*... thì tới khi biết viết vậy là sai, người ta cũng cứ quen tay (mà quen tay một phần cũng do quen mắt) hạ bút viết như vậy mà không ngờ rằng sai. Vì tôi chắc không có người cầm bút nào viết mỗi năm cả ngàn trang mà chịu dò từng chữ xem có sai chánh tả không, nhất là trong khi ý đương đòi tuôn thật mau ra ngòi viết; rồi khi đọc lại, cũng ít ai chú ý sửa chánh tả, mà thường chỉ sửa ý sửa lời, vì khó làm ba việc đó đồng thời được. Tóm lại, muốn viết đúng chánh tả thì phải có thói quen viết đúng đã, mà thói quen này chỉ có thể tập được từ hồi mới cắp sách đi học. Lớn lên rồi mới sửa, nghĩa là tạo một thói quen mới để diệt một thói quen cũ, là việc rất lâu và rất khó.”

*

Ở hải ngoại, trong nhiều năm đọc sách, tập viết văn và đi dạy tiếng Việt, tôi nhận thấy có mấy cách sau đây giúp viết chính tả chữ Việt cho đúng:

1/ theo giọng đọc, có nghĩa là nghe sao viết vậy. Theo cách này, thì phải học phát âm cho đúng. Nếu phát âm không đúng thì không thể theo giọng đọc mà viết. Chữ Việt chỉ có một cách viết đúng, nhưng tiếng Việt lại có nhiều giọng, giọng Bắc, giọng Trung, giọng Nam, v.v... Theo giọng mà viết thì có nhiều khi viết sai chính tả. Ví dụ: dạy học, thức dậy.

2/ phương pháp phân biệt, để tránh sự lầm lẫn.

3/ theo sự quen dùng, nhờ đi học, đọc sách, đọc báo, dùng tự-điển để tra chữ viết cho đúng, v.v...

4/ theo tự-nguyên, nghĩa là theo gốc của chữ ấy. Cách này mất nhiều công phu vì cần phải hiểu nghĩa của từng chữ, biết xuất xứ từ đâu, thì mới biết cách mà viết cho đúng. Tuy nhiên cách viết theo tự-nguyên lại lâu bền hơn, vì một khi đã hiểu rõ nguyên nghĩa của chữ thì dễ nhớ cách viết chữ ấy.

Theo kinh nghiệm của chúng tôi, cách dễ nhất là **tra tự-điển**. Có người lại nói là tự-điển có khi không giống nhau. Cùng một chữ có thể hai quyển tự-điển viết hai cách khác nhau. Tuy nhiên đó chỉ là một số trường hợp ngoại lệ, hầu hết các chữ thường dùng in trong các tự-điển đều giống nhau.

Ngô Thị Quý Linh
2020

*

III

Tự-điển - Từ-điển Việt-Nam

1. Vai trò của tự-điển và từ-điển

Một nước mà văn tự đã phát triển đến một trình độ khá đều phải có tự-điển hoặc từ-điển để làm tiêu chuẩn và căn cứ cho người đi học.

a. Tự-điển giúp người đọc rất nhiều: biết cách đọc, viết đúng chính tả, hiểu nghĩa, biết văn phạm, phân biệt các nghĩa khác nhau, dùng nghĩa cho đúng khi được dùng trong câu văn, biết nghĩa trong tục ngữ ca dao, văn thơ.

*Ví dụ: tra chữ *ngọt*: được giải thích là nói vị êm dịu như đường, như mía: cam ngọt, chuối ngọt. Nghĩa rộng: êm dịu.

Có 4 cách dùng chữ *ngọt*: - ngọt giọng: giọng êm ái; - ngọt lịm: ngọt lắm; - ngọt ngọt, ngòn ngọt: hơi ngọt; - ngọt ngào: ngọt - ngọt xót: rất ngọt.

Văn liệu (thành ngữ, tục ngữ, ca dao): - ngọt như mía lùi; - ngọt như đường; - mật ngọt chết ruồi; - nói ngọt lọt đến xương; - Có phúc lấy được vợ già, Sạch cửa sạch nhà lại ngọt cơm canh.

*Ví dụ: *hạt*, có 3 nghĩa khác nhau: - hạt là cái gì có hình tròn và nhỏ giống như hột, ví dụ như hạt mưa, hạt ngọc; - đánh tráo, dùng cái giả thay vào cái thật. Ví dụ: mua đồ thật bị hạt đồ giả; - địa phương. Ví dụ: hạt Houston, hạt Galveston, hạt Phú-Nhuận, hạt Hà-Đông.

b. Không chỉ sử dụng một quyển tự-điển mà sử dụng nhiều quyển khác nhau.

(*quyển*: quyển sách, quyển vở; *cuốn*: thành phần của một bộ sách. Ví dụ: Sách *Nho Giáo* của học giả Trần Trọng Kim có hai cuốn: cuốn thượng và cuốn hạ. Tôi vừa mua được năm quyển *Nho Giáo* từ nhà sách trên mạng.)

Đọc văn học hoặc lịch sử giai đoạn nào thì dùng tự-điển thời đó mới hiểu được những chữ thuộc về giai đoạn đó. Hiện nay có nhiều chữ cổ không còn được dùng nữa. Ví dụ có những

chữ in trong *Việt-Nam Tự-Điển* của Hội Khai-trí Tiến-đức ngày nay không dùng đến, nhưng nếu xem báo chí, sách phát hành vào thời đó - khoảng 1900 đến 1940 - thì phải dùng *Việt-Nam Tự-Điển* để hiểu nghĩa đúng của những chữ cổ trong những bài văn bài thơ viết thời đó.

Nhiều khi cũng cùng một chữ nhưng ở hai thời điểm khác nhau ví dụ 1900 và 1950, chữ đó cũng có thể có ý nghĩa khác nhau. Bây giờ tôi nói “cử-nhân, tiến-sĩ” quý vị đều hiểu hai chữ này qua cái nghĩa thời nay. Cử-nhân là người học xong 4 năm Đại-học. Tiến-sĩ là người học lên cao hơn, thêm 3, 4 năm nữa, làm luận án rồi mới thành tiến-sĩ.

Gốc hai chữ “cử-nhân, tiến-sĩ” - Chữ “cử-nhân” có từ cuối thế kỷ thứ 14 để gọi người đỗ kỳ thi hương và “tiến-sĩ” để gọi người đỗ kỳ thi hội. Đỗ thi hương rồi phải học thêm một thời gian nữa mới được đi thi hội. Đỗ thi hội thì được gọi là “tiến-sĩ”. Gia đình nào, dòng họ nào hoặc làng nào có người đỗ tiến-sĩ thì lấy làm vẻ vang lắm, được triều đình cho xướng danh và cỡi ngựa xem hoa. Sau đó, được hàng tổng, hàng xã đem cờ quạt trống lọng và phường nhạc đón rước vinh qui. Ai đỗ tiến-sĩ thì được bổ nhiệm làm quan ở chức vụ cao làm việc ở triều đình, chứ không bổ chức ở phủ, huyện. Cử-nhân mới bổ nhiệm về làm phủ, huyện.

Một ví dụ nữa để hiểu tại sao phải dùng tự-điển hay tự-vị: như bây giờ nói chuyện quân sự mà nếu có người viết là ông trung-tá cầm quân, làm tổng-tư-lệnh chỉ huy sư-đoàn và chỉ huy trung-tướng dưới quyền, thì chúng ta thấy sự vô lý ấy như thế nào. Tuy nhiên chúng ta thấy vô lý vì chúng ta hiểu nghĩa của những chữ trung-tá, tổng-tư-lệnh, sư-đoàn, trung-tướng và chúng ta sống vào một thời đại mà những chữ này được dùng. Những người không sống cùng một thời với chúng ta, sẽ không hiểu được ý nghĩa của những cấp bậc ấy.

Một trong những quyển tự-vị mà tôi rất thích dùng để học, chứ không phải chỉ để tra những chữ khó hiểu không thôi, là quyển *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* của đốc-phủ-sứ Huỳnh-Tĩnh Paulus Của. Ông làm việc phiên dịch văn án ở dinh Thống-đốc Sài-Gòn từ năm 1861. Ông đã nhận thấy nhu cầu sử dụng chữ Việt trong khi làm việc. Hơn 30 năm cần cù và kiên nhẫn, ông hoàn thành và cho in quyển *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* năm 1895.

Trong phần “Tiểu Tự” ở đầu sách, ông giải thích tự-điển và tự-vị là gì và khác nhau thế nào.

- a. tự-điển phải có chú giải, mỗi chữ mỗi tiếng phải dẫn điển tích, sách nào, lời ai nói, tất cả mọi chữ đều dựa theo kinh truyện văn chương.
- b. tự-vị là sách gom tất cả các chữ, song chỉ cần chú thích mỗi chữ một nghĩa mà không dẫn điển tích.

Ví dụ một chữ trong quyển tự-vị của Huỳnh-Tĩnh Của để hiểu cách ông chú thích như thế nào.

*cạp, n [nôm]: cắn bót, lấy răng mà nạo bót, gặm, kẹp lại, đánh nhập lại; tên côn trùng.

- chuột cạp: chuột ăn khươi, chuột gặm.

- chó cạp: chó cắn khươi.

- đầu chó cạp: đầu cạo lăm nhăm, còn sót nhiều chỗ.

- chiếu cạp: chiếu ăn. Thường nói về con nít hay nằm chiếu, tóc giắt vào kẽ chiếu, mắc một hai chỗ.

- cạp bấp: cấn lấy hột bấp còn dính trong trái.
- cái bò cạp: đồ đuôi chim, ...

c. Từ-điển cốt để tra khảo về lời (từ) mà dùng để tra khảo về chữ (tự) cũng được.
 Từ-điển bao gồm cả tự-điển, mà tự-điển chỉ là một phần gốc của từ-điển trích riêng ra.
 Từ-điển: từ là lời, từ-điển là sách biên chép những điển cố về từng chữ từng câu văn.

2. Một số tự-điển, tự-vị và từ-điển Việt-Nam

Quyển tự-điển được biết xưa nhất là quyển *Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum* (Tự-điển Việt-Bồ-La) do giáo-sĩ Alexandre de Rhodes soạn ra và in năm 1651 tại La-mã (Rome). Theo sử sách để lại cho biết, quyển tự-điển này đã được tham khảo từ những tài liệu do các giáo-sĩ người Portuguese như Gaspar do Almaral, António Barbosa và Francisco de Pina soạn.

1884: *Petit Dictionnaire Français-Annamite* – Petrus Trương Vĩnh Ký

1895: *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* - Huỳnh-Tĩnh Paulus Của

1898: *Tự Đức Thánh Chế Tự Học Giải Nghĩa Ca* – Dục-tông (Tự-đức)

1898: *Dictionnaire Annamite-Français* – J.F.M. Génibrel

1912: *Đồng Âm Tự Vị* - Nguyễn Văn Mai

1931: *Việt-Nam Tự-Điển* – Hội Khai-trí Tiến-đức

1931: *Hán-Việt Từ-Điển* – Đào Duy Anh

1950: *Việt-Ngữ Tinh-Nghĩa Từ-Điển* – Long-Điền Nguyễn Văn Minh

1970: *Việt-Nam Tự-Điển* – Lê Văn Đức và một nhóm văn hữu soạn, Lê Ngọc Trụ hiệu đính

1974: *Tâm-Nguyên Tự-Điển Việt-Nam* – Lê-Ngọc-Trụ; xuất bản và phát hành năm 1993.

富浪音話撮要字彙
合解安南國音

PETIT DICTIONNAIRE
FRANÇAIS-ANNAMITE

PAR

P. J-B TRƯƠNG-VĨNH-KÝ

士載
張
永
記
合撰

SAIGON.

IMPRIMERIE DE LA MISSION, à TÂN-ĐÌNH.

1884.

Quyển tự-điển này đã được các giáo sĩ hạt Tân-Định cho in năm 1884. Năm 1920, sách được in lại, có sửa chữa, chú thích thêm và hơn nữa là có nhiều tranh ảnh từ quyển *Petit Larousse Illustré*. Nhà xuất bản tự-điển Larousse đã cho phép nhà xuất bản “Imprimerie de l’union” của Nguyễn Văn Cửa sử dụng những tranh vẽ trong quyển Larousse, một điều mà các nhà xuất bản không bao giờ cho phép ai in lại.

DICTIONNAIRE ANNAMITE

大南國音字彙

ĐẠI NAM QUỐC ÂM TỰ VỊ

*Tham dụng chữ nho có giải nghĩa, có dẫn chứng, mượn 24 chữ cái
phương Tây làm chữ bộ.*

HUÏNH-TỊNH PAULUS CỦA



SAIGON

Imprimerie REY, CURIOL & Cie

4, rue d'Adran, 4

1895

Trong bài “Tiểu Tự” tác giả giải thích và phân biệt tự-điển và tự-vị, có một trang nói về các loại cá, và những chữ mà ông đã không để vào tự-vị.

Tự Đức Thánh Chế Tự Học Giải Nghĩa Ca, sách do vua Dục-tông (Tự-đức) làm ra, dùng chữ Nôm để dạy chữ Hán, làm theo thể lục bát, gồm 9,028 chữ Hán trong 4,572 câu. Tác giả chú thích nghĩa chữ Hán và cách đọc cho từng chữ. Sách được Quốc-sử-quán kiểm chính năm 1896 và khắc ván in năm 1897. Hơn chín nghìn chữ được chia thành bảy môn loại như sau: - kham dư loại, - nhân sự loại, - chính hóa loại, - khí dụng loại, - thảo mộc loại, - cầm thú loại, - trùng ngư loại.

*

Dictionnaire annamite-français của J.F.M. Génibrel: sách dựa trên quyển tự-điển *Dictionnaire annamite-français* của cha Caspar, giáo-sĩ ở Sài-Gòn in năm 1877 tại nhà in của Mission de Saigon. Tự-điển này gom rất nhiều những chữ về thực vật và động vật ở Việt-Nam, kể cả những chữ địa phương: chữ thường dùng ở Huế có ghi chữ H bên cạnh chữ; chữ dùng ở Bắc-kỳ có kèm chữ T (Tonkin, Bắc-kỳ).

Một ví dụ để so sánh sự ích lợi giữa quyển *Việt-Nam Tự-Điển* của Hội Khai-trí Tiến-đức và tự-điển Việt-Pháp của Génibrel như sau.

Ví dụ chữ “gai”:

Việt-Nam Tự-Điển: ngạnh nhọn mọc ở cây; nghĩa bóng: chướng ngại.

Gai góc: khe khát; gai góc: trở ngại khó khăn; gai ngạnh: chướng, bướng, hay sinh sự.

Tự-điển Génibrel: gai góc; bụi gai; chông gai; lở gai; cây gai bôm; gai váng nhện; cửa gai nhà bạc; gai việc; gai ngạnh; gai điều; gai gọn; gai con mắt; dây gai; chỉ gai; vải gai; cây gai; cỏ hột gai.

Đại Nam Quốc Âm Tự Vị: + nổi ốc mọc gai: sợ hãi quá.

*

Hán-Việt Từ-Điển của Đào Duy Anh: có 5,000 đơn-tự và 40,000 từ-ngữ, dùng vần abc để tra tìm nghĩa. Quyển từ-điển này khác với quyển *Hán-Việt Tự-Điển* của Thiều-Chửu ở điểm sau: *Tự-Điển Thiều-Chửu* tra chữ bằng nét, 1 nét, 2 nét, ... còn *Hán-Việt Từ-Điển* của Đào Duy Anh tra theo thứ tự vần abc trong tiếng Việt.

Có thể còn nhiều người thắc mắc tại sao ngày nay chữ Việt hay quốc-ngữ phát triển cả 100 năm rồi mà không lẽ Việt-văn chưa đủ chữ dùng hay sao mà phải dùng đến tiếng Hán-Việt.

Chữ Hán-Việt thực ra không có, chỉ có *tiếng* Hán-Việt mà thôi.

Tiếng Hán-Việt là gì? **Tiếng** Hán-Việt là **chữ Hán đọc theo âm Việt**, và ngày nay dùng **mẫu tự la-tinh để ghi âm**. Khi ký âm bằng tiếng Việt, chỉ có người Việt đọc và hiểu được thôi. Ví dụ: chính phủ, quốc gia, tự do, nhân chi sơ tính bản thiện, v.v... Tổng số tiếng Hán-Việt trong ngôn ngữ chúng ta dùng hiện nay khoảng 60% trong tự vựng tiếng Việt. Tiếng Hán-Việt chiếm 90% trong tự vựng về khoa học nhân văn, xã hội, kỹ thuật, những chữ trừu tượng. (Vũ Thế Ngọc. *Nghiên cứu chữ Hán và tiếng Hán Việt*, East West Institute 1989)

Tiếng Hán-Việt thường là đồng âm, một tiếng mà có nhiều nghĩa khác nhau vì chữ Hán viết nét khác nhau nhưng cách đọc Hán-Việt lại đọc cùng một âm. Do đó phải cần có tự-điển

hoặc từ-điển Hán-Việt để giúp chúng ta hiểu những nghĩa khác nhau của một âm đọc (tiếng Hán-Việt).

Ví dụ: chữ *từ* có nhiều cách viết khác nhau (theo cách viết chữ Hán) do đó có nhiều nghĩa khác nhau như sau:

từ: lời; ngôn từ, văn từ; từ chương, từ tụng, từ trát.

từ: đã nhau: từ biệt; từ đã, từ trần.

từ: hiền lành; từ ái; từ bi; từ tâm; từ thiện.

từ: thông thả; đi từ từ, làm từ từ.

từ: miếu thờ, nhà thờ; từ đường: nhà thờ họ.

từ: khí: từ-khí: sức hút của nam châm; từ lực, từ trường, từ thạch: đá nam châm.

*

Việt-Ngữ Tinh-Nghĩa Từ-Điển của Long-Điền Nguyễn Văn Minh. Tiếng Việt có nhiều chữ có nghĩa hơi giống nhau. Muốn cho tiếng Việt được rõ ràng thì mỗi chữ phải có một nghĩa rành rọt, phân minh. Ví dụ như ba chữ “thi, thơ và thư”, “kỳ thi, viết thư, làm thơ”. Soạn giả dùng cách suy cứu ngôn ngữ cổ và tìm ra nghĩa làm sao cho hợp với tiếng đó mà thôi. Soạn giả phân biệt những chữ có nghĩa gần giống nhau, ví dụ: hai chữ “buồng” và “phòng”, lúc nào dùng chữ “buồng” lúc nào dùng chữ “phòng”, nói về hai chữ “chờ” và “đợi” khác nhau như thế nào, khác biệt giữa “thái bình”, hòa bình”, “thanh bình”, “thăng bình”, và rất nhiều những chữ khác nữa trong tiếng Việt.

*

Tâm-Nguyên Tự-Điển Việt-Nam của Lê-Ngọc-Trụ, nguyên giáo-sư diễn-giảng Đại-học Văn-Khoa Sài-gon, được hoàn thành từ năm 1974 nhưng mãi đến năm 1993 mới ấn hành.

Theo soạn giả, tiếng Việt cũng như các tiếng nói khác trên thế giới, đều có mượn tiếng các nước láng giềng như Thái, Môn Mên, Chàm, Mã-Lai, của đồng bào thượng du Bắc-Việt: Nùng, Mán, Tày, Thỏ, Mèo, sắc tộc Trung-phần: Bahnar, Sedang, Stieng, Jorai, ..., Mường.

Đến thế kỷ thứ 19, 20 khi tiếp xúc với Tây-phương, tiếng Việt mượn tiếng Pháp, tiếng Anh. Trong khi Việt-hóa tiếng mượn, chúng ta thêm điệu bổng trầm cho có âm hưởng Việt-Nam, nhất là dấu huyền vào cuối chữ. Ví dụ: gendarme: sen-đam, cigare: xì-gà, savon: xà-bông, xà-phòng, one two three: oăn tù tì, alcool à brûler: rượu cồn...

Trong các tiếng mượn từ bên ngoài, tiếng Việt mượn rất nhiều tiếng Hán, nhưng đọc ra giọng Việt-Nam nên được gọi là tiếng Hán-Việt. Tiếng Hán-Việt bị biến thể âm thanh để thành những tiếng Việt mới.

Khi biết được gốc của chữ thì chúng ta mới hiểu được tại sao chữ này viết dấu hỏi hay ngã, viết chữ khởi đầu là tr hay ch, s hay x, viết vần là an hay ang, ac hay at, v.v...

Vì chữ Việt mượn rất nhiều chữ Hán, nên để ý đến những tiếng đồng-âm hoặc những nghĩa kế cận để tránh sự sai lầm.

Ví dụ: “đều” là phu gánh thuê; “đều cáng” là phu gánh và phu cáng; “đều giả” là do tiếng “điều” trong “điều giáo” có nghĩa là xảo trá, gian giáo. Do đó nếu nói đến một người xấu, gian trá thì dùng chữ “đều giả” mới đúng chứ dùng chữ “đều cáng” là sai.

Ví dụ: - “buồn đầu đầu”: lòng lo buồn mà không tỏ cùng ai; “dầu đầu” từ chữ “dao” (lòng lo buồn mà không tỏ cùng ai), chữ “du” (lo nghĩ)

- “buồn rầu”: buồn lo, không vui; rầu từ chữ sầu

Lỗi về âm khởi đầu

Phát âm các chữ bắt đầu bằng g, h, qu, ng cho rõ. Ví dụ: goa, hoa, qua, ngoa.

Phát âm các tiếng khởi đầu bằng s, x; d, gi; tr, ch (Bắc: trả --- chà); r, d (Bắc: ra --- da); d, r (Bắc: rù rê --- dù dê); v thành ra d (Nam: về --- ðĩa).

* Người Bắc đọc không phân biệt s và x, ch và tr, r và d, d và gi.

Tiếng đôi có tiếng khởi đầu bằng âm s thì tiếng sau cũng là s. Ví dụ:

San sẻ, say sưa, sặc sỡ, sồn sờ, sửa sang, sừng sốt, sa sút, suy sụp, suông sã, ...

Tiếng đôi có tiếng khởi đầu bằng âm x thì tiếng sau cũng là x. Ví dụ:

Xa xôi, xinh xắn, xanh xao, xãng xái, xê xích, xin xỏ, xui xẻo, xấu xí, xong xuôi, ...

Tiếng đôi khởi đầu bằng âm l thì tiếng sau là x. Ví dụ:

Lao xao, lãng xãng, lào xào, lác xác, lép xép, lụp xụp, ...

* Người Bắc hay Nam đều không phân biệt gi và d.

Theo tác giả, nếu chúng ta phân biệt được chữ có gốc Hán thì cũng dễ phân biệt được chữ nào bắt đầu bằng d và chữ nào bắt đầu bằng gi.

dá: dùng để gác vật gì

dạ: ban đêm

dã: đồng nội - dân dã (dân làm ruộng), dã chiến (đánh nhau ở khoảng đồng rộng), dã sử (sử của tư gia), dã thú (thú vật ở đồng quê)

danh: tên gọi - danh bút, danh ca, danh cầm, danh y, danh dự (tiếng tăm tốt), danh vọng

dao: lay động, một thứ ngọc tốt, câu hát, xa – dao cầm (đàn trang trí bằng ngọc)

Có những chữ chỉ có chữ Nôm và bắt buộc phải viết như thế, cũng như có những chữ gốc Hán phải viết như thế và do đó không nhầm lẫn được.

duỡng: nuôi

diệu: tinh khéo, tinh đẹp (có thể nhầm với rượu, đọc theo giọng Bắc)

diệp: lá cây

diệt: dứt, hết

Những chữ gốc Hán đổi ra chữ Nôm, tr --- gi
Tranh --- giành, trương --- giương (bằng hiệu), trào --- giễu (ché giễu), trì --- giữ (bảo trì -
-- giữ gìn), tràm --- gìm

Chữ Nôm đổi từ tr ra gi
trời --- giời, trắng --- giăng, tranh --- gianh, trùn --- giun, trai ---- giai, trái --- giải, tràn
trụa --- giàn giụa, tro --- gio

Những chữ gốc Hán đổi ra chữ Nôm, s --- gi
Sát --- giết, sàng ---- giường

Chữ gốc Hán âm h, nh đổi ra gi của tiếng Nôm
Hài --- giày, hận --- giận, hiệp --- giúp

Tiếng đôi khởi đầu bằng gi
giặc giã, giục giã, giấu giếm, giành giựt, giời giang, già giã, ...

Theo Henri Maspéro thì tiếng Việt thế kỷ thứ 17, đúng như cách ghi của cô Alexandre de
Rhodes, có ba loại âm khởi đầu: **bl, ml, tl**, sau biến đổi dần thành **tr, gi**.

Tiếng Việt thế kỷ thứ 17	Tiếng Bắc	Tiếng Bắc-Trung	Tiếng Nam
blời	giời	trời	trời
blầu	giầu	trù	trầu
blài	giải	trái	trái
tlăm	trăm	trăm	trăm
tlán	trán	trán	trán
tlẻ	trẻ	trẻ	trẻ
tlên	trên	trên	trên

Âm **ml** thì đổi ra **nh** hoặc **l**, mất phần âm m ở đầu

mlằm	nhằm	nhằm	lằm
mlời	nhời	lời	lời
mlát	lát	lát	lát
mlặt	nhặt	lặt	lặt

Loại âm **bl, tl** cho ra **gi** và **tr**; âm **l** cũng cho ra **tr**, như ví dụ sau đây:

Leo --- trèo; lau --- trau; lêu --- trêu; lánh --- tránh; lộn --- trộn

Lên --- trên; lộn --- trộn; lỗ --- trổ; lòi --- trôi; trót lót; ló --- trổ...

* Tiếng gốc Hán khởi đầu tr chuyển ra tiếng Nôm

- âm ch có rất nhiều như:

Trà --- chè; trản --- chén; trảm --- chém; trảm --- chìm; trữ --- chứa; trữ --- chờ;
trực --- chục; truyện --- chuyện; ...

- âm gi:

Tranh --- giành; trảm --- gìm; ...

* Tiếng đôi

- khởi đầu bằng ch, tiếng sau cũng bằng ch
chắc chắn, chẵn chòì, chen chúc, chững chạc

- khởi đầu bằng tr, tiếng sau cũng tr

Trau tria, trảm trồ, trơ trọi

- âm ch thường đi chung với âm l

Lã chã, lanh chanh, lau chau

Còn nhiều điều nữa chúng ta cần học hỏi thêm để hiểu hơn về tiếng Việt và viết chính tả chữ Việt cho đúng.

Bài đã dài, xin cho tôi tạm dừng nơi đây.

Ngô Thị Quý Linh

2021

*

IV

Bài đọc thêm

“DÔNG” HAY “GIÔNG” ?

Nhà văn Nguyễn Hiến-Lê là nhà văn mà tôi thích đọc vì văn ông giản dị, dễ hiểu và những tác phẩm của ông nằm trong những phạm vi văn chương mà tôi cũng thích tìm hiểu. Tôi đã đọc nhiều tác phẩm của ông mà có một tác phẩm tôi cho là đã giúp ích tôi rất nhiều trong việc tập viết văn tiếng Việt là *Mười Câu chuyện văn chương* (1986). Trong tập sách này tôi vẫn nhớ bài viết “Nửa thế kỉ chánh tả Việt ngữ” (1968) của ông.

Chỉ vừa đọc qua tựa bài này tôi đã tự hỏi sao ông viết về *chánh tả Việt ngữ* mà ông lại viết thế kỉ với chữ i (ngắn) chứ không phải thế kỷ với y (dài)? Tôi đọc hết bài viết của ông thì tôi mới hiểu là vì mình không để ý đến chánh tả tiếng Việt, không xem chánh tả là quan trọng và cũng không bao giờ dùng tự-điển để tra cho nên cứ thấy chữ nào mà mình “không quen mắt” thì mình bảo là chữ ấy “sai chánh tả”.

Từ lúc ấy thì tôi bắt đầu dùng tự-điển, nhất là hai quyển *Việt-Nam Tự-Điển* của Hội Khai-trí Tiến-đức (1931) và *Hán-Việt Từ-Điển* của Đào Duy Anh. Ông Nguyễn Hiến-Lê cũng nhắc đến bộ *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* của Huỳnh-Tĩnh Paulus Của (1895) mà ông bảo là lúc ấy đã tuyệt bản. Thật may mắn cho những người đi sau như chúng tôi nay có được ấn bản *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*.

Tuy nhiên tôi cũng hiểu là mỗi chữ, cũng như người, có một cuộc đời riêng, ý nghĩa của chữ cũng bị biến đổi theo thời gian và có khi cả cách viết cũng biến đổi theo thời gian, theo ý muốn và thói quen của những người sử dụng. Do đó tôi đã mua thêm tự-điển của các tác giả hay nhóm tác giả sau này, gần với thời đại của chúng ta hơn để tra cứu khi cần:

- *Việt-Nam Tự-Điển* của Lê Văn Đức và một nhóm văn hữu soạn, 1970
- *Giúp đọc Nôm và Hán Việt* của L.m. Trần Văn Kiệm, 1997
- *Từ điển Từ và Ngữ* của Nguyễn Lân, 1998
- *Từ điển Từ và Ngữ Hán-Việt* của Nguyễn Lân, 2002

Cũng trong bài “Nửa thế kỉ chánh tả Việt ngữ” của Nguyễn Hiến-Lê, tôi đã đọc được đoạn văn sau đây: “Khi nhìn cả trăm lần chữ *Giông tố* in rất lớn trên bìa một cuốn truyện, cả ngàn lần chữ *xử dụng*, *sơ xuất* trên mặt các tờ báo; khi đã cả chục năm quen viết *sợi giây*, *giận giữ*, *vũ khí*, *đề khán*... thì tới khi biết viết vậy là sai, người ta cũng cứ quen tay (mà quen tay một phần cũng do quen mắt) hạ bút viết như vậy mà không ngờ rằng sai.”

Nhờ ông nhắc tới chữ “Giông tố”, tôi mới để ý đến chữ này vì đây là tựa một tác phẩm nổi tiếng của Vũ Trọng Phụng. Tôi bèn tra tự-điển để tìm xem chánh tả của chữ “Giông tố” đã được viết như thế nào.

- *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*, chữ đông:
- Đông: thả phóng, không chừng đổi; gió lớn trong lúc chuyển mưa.

- Đông tố: gió lớn lắ mà có mưa.
 - Mưa đông: mưa đầu mùa, thường phát gió lớn.
 - Trời nổi đông: trời chuyển mưa nổi gió lớn.
 - Ngọn đông: luồng gió lớn trong lúc chuyển mưa.
- *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*, chữ giông:
- Giông: (coi chữ nhông). Loài giống các kè mà lớn con, hay ở theo động cát, người ta hay ăn.
 - Cà giông
 - Kì giông
 - Dập giông: lấp miệng hang con giông, có ý moi chỗ gần mà bắt cho được, cũng là bắt giông.
- *Việt-Nam Tự-Điển* – Khai-trí Tiến-đức, chữ đông:
- Con mưa gió to: Trời nổi cơn đông.
 - Đông tố: Mưa to gió lớn. Lỡ khi đông tố phũ phàng (K).
- *Việt-Nam Tự-Điển* – Khai-trí Tiến-đức, chữ giông:
- Nói gặp cái gì mà thành ra điềm không may về sau: Đầu năm ra ngõ gặp gái, hay giông cả năm.
- *Việt-Nam Tự-Điển* – Lê Văn Đức, chữ đông:
- Gió to, gió thổi mạnh: Cơn đông, trận đông, nổi đông.
- Có đông hung mới biết từng bá cứng. (ca dao)
- Chạy, đi mất, đi chỗ này chỗ kia: Đông lẹ, mới đây, đông đâu rồi?
 - Đông-dài: vòng vo, không chỗ nhắm nhưt định: đi đông-dài, nói đông-dài.
- *Việt-Nam Tự-Điển* – Lê Văn Đức, chữ giông:
- Mắc phong-long, gặp điềm xấu, có thể xui lâu: Bị giông cả năm.
- *Giúp đọc Nôm và Hán Việt*, chữ đông (hv dung phong):
- Gió to; tỉ dụ: cơn đông; đông tố
 - Còn âm là Giông
- Cũng trong quyển *Giúp đọc Nôm và Hán Việt*, khi xem chữ Giông (hv dong), thì thấy giải thích là Mưa to gió mạnh, và cho tỉ dụ là Trời nổi cơn giông.
- *Từ điển từ và ngữ Việt-Nam* - Nguyễn Lân, giải thích hai chữ đông và giông giống như các tự-điển của Khai-trí Tiến-đức và Lê Văn Đức.

Một sự tình cờ nữa là tôi có từng đọc một nhà văn khác cũng đã nói là chữ “Giông tố” trên bìa sách viết sai vì người thợ sắp chữ không rành chính tả nên sắp như thế, sách đã lỡ in nên không thể bỏ tất cả số sách ấy đi mà in lại. Chỉ đáng tiếc là khi đọc đoạn này tôi không ghi lại nên bây giờ không biết làm sao tìm để có chứng cứ về chữ “Giông tố” bị in sai trên bìa sách của nhà văn Vũ Trọng Phụng.

Nếu theo thứ tự thời gian của các sách tự-điển đã xuất bản thì từ khi quốc-ngữ ra đời cho đến cuối thế kỷ thứ 20, các nhà soạn tự-điển đã đồng ý là chữ “dông tố” vẫn là chữ viết đúng chính tả với nghĩa là mưa to gió lớn.

Ngô Thị Quý Linh
Tháng Tư năm 2016

*

Tôi vì yêu mến tiếng Việt nên dành thì giờ tìm hiểu về cách viết chữ Việt. Những bài viết ngắn trên đã được đọc trên đài Saigon Houston chương trình Văn Hóa Việt, nói chuyện với các thầy cô, phụ huynh và học sinh tại một vài trường dạy tiếng Việt và trong những khóa tu nghiệp sư phạm. Trong lúc sưu tầm, biên khảo, có thể có những thiếu sót sai lầm mặc dù tôi đã hiệu đính và sửa các lỗi chính tả mỗi khi đọc lại. Mong các bậc thức giả cao minh vui lòng chỉ giáo để tôi sửa đổi những chỗ sai và bỏ túc bài viết. Xin chân thành đa tạ.

Tác giả cần chú
Ngô Thị Quý Linh
2023